

Phẩm 2: PHÂN BIỆT CĂN (PHẦN 1)

Đã nói hai mươi hai căn xong. Nghĩa căn là thế nào?

Căn là nghĩa tự tại hơn hết. Vì tự tại tăng thượng ở trong tác dụng của tự mình. Lại dùng ánh sáng để trang sức làm nghĩa, vì rất sáng tỏ ở trong thân. Thế nên, dùng ánh sáng tự tại hơn hết để trang sức làm nghĩa.

Được tự tại ở trong căn nào? Xứ nào?

Kệ nói: Năm căn tăng thượng ở bốn nghĩa.

Giải thích: Thuận theo một trong hai căn nhãn, nhĩ, tăng thượng ở trong bốn nghĩa:

1. Tăng thượng ánh sáng trang sức nơi thân mình. Nếu là người đui, điếc, thì hình tướng sẽ rất xấu xí.

2. Đối với tăng thượng dẫn đến sự bảo vệ thân mình, hoặc thấy, hoặc nghe, có thể ly khai sự không yên ổn mà ở chỗ tốt đẹp.

3. Đối với việc sinh nhãn, nhĩ thức và tăng thượng trong pháp tương ứng chung, do thức và pháp tương ứng, tùy thuộc vào sự tăng, giảm của nhãn, nhĩ thức kia mà có sáng, tối.

4. Đối với sự tăng thượng của nhân không chung thấy sắc, nghe tiếng, vì không phải ý thức là nhân của thức người khác và ý thức. Ánh sáng của tị, thiệt, thân căn trang sức cho thân mình, như hai căn trước. Nghĩa thứ hai đối với sự tăng thượng dẫn đến việc bảo vệ thân mình. Do ba căn này có thể dùng đoạn thực. Nghĩa thứ ba đối với sinh ba thức như tử v.v... và tăng thượng trong pháp tương ứng chung. Nghĩa thứ tư đối với xúc giác ngửi mùi hương, nếm vị, là tăng thượng nhân không chung.

Kệ nói: Ở hai, hai, bốn căn.

Giải thích: Nữ căn, nam căn, mạng căn, ý căn. Ở hai căn, thuận theo một tăng thượng nơi hai căn. Nữ căn, nam căn, đối với sự khác biệt của chúng sinh và sự tăng thượng bất đồng của tướng mạo.

Sự khác biệt, nghĩa là phân biệt tướng mạo nam, nữ bất đồng, tức là hình trạng như vú v.v..., giọng nói, oai nghi đều khác hẳn.

Lại có sự khác nói: Đối với tăng thượng là có nhiễm ô, thanh tịnh. Vì sao? Vì tự tánh là huỳnh môn, nên tạo ra huỳnh môn. Và người hai căn, không thể bảo hộ việc không có nghiệp vô gián, và đoạn căn thiện căn v.v... Ngay cả việc giữ gìn đưa đến quả lia dục cũng không có. Hai hành vi này chỉ có ở nam, nữ. Mạng căn tương ứng với đồng phần ở tự và tăng thượng trong chấp trì. Ý căn tương ứng với sự gửi vào hữu sau,

và thuận theo từ sự tăng thượng trong tự tại.

Tương ứng với hữu sau trong đây: như kinh nói: Bấy giờ, Càn-thát-bà theo một trong hai ý hiện tiền, hoặc tương ứng với sự dục, hoặc tương ứng với giận dữ, tùy thuận theo. Như kệ nói:

*Ý dẫn theo thế gian Ý
đổi thay khiến khác
Là một pháp ý căn,
Tất cả pháp hành theo.*

Năm căn như lạc thọ v.v... và tám căn như tín v.v... đối với tăng thượng thế nào?

Kệ nói:

*Năm và tám đối với
Nhiễm ô và thanh tịnh.*

Giải thích: Theo thứ tự nên biết duyên tăng thượng của các căn kia. Năm căn như lạc thọ v.v... đối với sự tăng thượng nhiễm ô. Các hoặc như dục v.v... đối với tùy miên kia. Tám căn như tín v.v... ở nơi tăng thượng thanh tịnh. Vì sao? Vì tất cả thanh tịnh đều do tín v.v... kia mà thành.

Có sư khác nói: Lạc thọ v.v... cũng có tăng thượng đối với thanh tịnh, do yên vui, nên tâm tức được định. Đức Phật nói: Đức tin lấy nỗi khổ làm tư lương.

Lại nữa, có sáu thọ như hỷ v.v... là chỗ nương tựa của sự xuất ly.
Sư Tỳ-bà sa tạo ra thuyết như đây.

Lại có sư khác nói: Không do hai căn nhãn, nhĩ đưa đến việc bảo vệ thân mình, mà là do trước kia đã biết xa lìa sự không yên ổn để ở chỗ tốt đẹp.

Hai căn này chỉ đối với thức là tăng thượng, không có thấy sắc, nghe tiếng khác với thức. Thế nên, hai căn nhãn, nhĩ, không nên lại ở trong nhân không chung, lại lập ra duyên tăng thượng. Vì thế, nên nhãn v.v... không nên có duyên tăng thượng như vậy.

Nếu vậy thì duyên tăng thượng kia thế nào?

Kệ nói:

*Tăng thượng trần của mình
Được tất cả sáu căn.*

Giải thích: Năm căn như nhãn v.v... tăng thượng trong việc đạt được trần của mình, ý căn tăng thượng trong việc đạt được tất cả trần. Thế nên, sáu căn này, mỗi mỗi đều được lập làm căn.

Nếu vậy, các trần đã có tăng thượng như ở trong đây sao không

lập làm căn?

Không có tăng thượng. Vì sao? Vì chủ trội hơn, nên gọi là tăng thượng. Mất là chủ hơn hết trong việc nhận được sắc, là được nhân chung cho việc nhận được tất cả sắc. Do sự tăng, giảm của mắt kia, nên thức theo đó có rõ, mờ. Sắc thì không như vậy. Vì trái lại với hai nghĩa này, như đây, cho đến ý căn và pháp, nên biết cũng thế.

Kệ nói:

*Tăng thượng tánh nữ, nam
Từ thân, lập hai căn.*

Giải thích: Lại từ thân căn, lập nên hai căn nữ, nam. Hai căn này không khác với thân căn, là một phần hiện hữu trong thân căn. Ở chỗ cửa dưới, theo thứ lớp, được tên nữ căn, nam căn, vì làm tăng thượng đối với tánh nữ, nam. Tánh nữ, nghĩa là tiếng, tướng hành dục lạc, của nữ. Tánh nam là tiếng tướng hành dục lạc với nữ khác. Do phần của thân này, nên hai tánh được thành tựu và có thể phân biệt rõ. Vì đối với hai tánh này là tăng thượng, nên lập làm căn.

Kệ nói:

*Trụ đồng phần nhiễm ô
Tăng thượng ở thanh tịnh
Thọ mạng và năm thọ
Cùng tín v.v... lập làm căn.*

Giải thích: Trong đồng phần của tụ trụ, thọ mạng sống là tăng thượng. Đối với sự nhiễm ô, năm thọ làm tăng thượng.

Thế nào là như đây?

Tùy miên dục đối với lạc thọ, sự giận dữ đối với khổ thọ, vô minh đối với bất khổ, bất lạc thọ. Trong kinh nói: “Đối với năm căn như tín v.v... thanh tịnh làm tăng thượng”.

Thế nào các hoặc như đây là đối tượng mà tín v.v... kia đã khuất phục được, không thể khởi lên? Thánh đạo do năm căn như tín v.v... kia dẫn sinh. Thế nên thừa nhận lập mỗi mỗi tín kia làm căn.

Kệ nói:

*Vị tri, dục tri, tri
Trị dĩ, lập làm căn
Đến hậu đắc, đạo sau
Niết-bàn v.v... đều tăng thượng.*

Giải thích: Mỗi một trong ba căn, nên lập làm căn. Vì chỉ bày rõ nghĩa này, nên nói như thế: Vị tri, dục tri, đến cuối cùng được tăng thượng trong hiểu biết, nên lập làm căn. Nhận biết đến cuối cùng được

tăng thượng trong tri dĩ (biết xong) và được tăng thượng. Nhận biết rồi nơi cuối cùng đạt được Niết-bàn tăng thượng, nên lập làm căn. Vì sao? Vì nếu tâm người chưa giải thoát, tất nhiên không được nghĩa Niết-bàn. Nói “vân vân” là chỉ rõ nghĩa loại riêng khác.

Nghĩa khác là sao?

Ở kiến đế, nên loại trừ nơi hoặc diệt, vị tri dục tri căn là tăng thượng. Ở tu đạo, nên bỏ đi hoặc diệt, tri căn là tăng thượng. Tri dĩ căn trụ nơi yên vui ở hiện đời là tăng thượng. Chủ thể chứng, vì tiếp nhận mừng vui giải thoát, nếu dùng nghĩa tăng thượng để lập căn. Các hoặc như vô minh v.v... cũng phải lập làm căn. Vì sao? Vì các phần của vô minh v.v... ở trong hành v.v... cũng có tăng thượng, thế nên phải lập vô minh v.v... làm căn. Lời nói v.v... có lẽ cũng thế, nghĩa là lưỡi, tay, chân, lúa, đạo nam, nữ, đều nên lập làm căn. Đối với tăng thượng trong ngôn thuyết, cầm nắm, lia, hưởng, buông bỏ vui đùa, vì thế nên lập làm căn.

Không thể lập làm căn. Vì sao? Do tác dụng của căn như vậy.

Kệ nói:

*Tâm dựa sai biệt này
Trụ kia và nhiễm ô
Tư lương và thanh tịnh
Như thế, xét lập căn.*

Giải thích: Trong đây, tâm nương dựa, nghĩa là sáu căn như nhãn v.v... Loại chúng sinh vì dùng sáu nhập làm căn bản, nên chỗ dựa của sáu thứ này khác biệt. Do hai căn nam, nữ trụ cùng thời với mạng căn tạo nên. Sự nhiễm ô này do năm thọ căn hình thành. Tư lương thanh tịnh do năm căn như tín v.v... tạo nên. Thanh tịnh thật do ba căn vô lưu hình thành. Thế nên, không thừa nhận lập vô minh v.v... làm căn.

Kệ nói:

*Lại có sinh dựa sinh
Sinh trụ sinh thọ dụng
Lập mười bốn, tám sau
Theo giải thoát, lập căn.*

Giải thích: Lại nói vì chứng tỏ chấp riêng của các bộ. Bộ khác nói: Sự nương tựa của sinh, tử, gọi là sáu căn. Sáu căn này dựa vào sự sinh do pháp nào? Do hai căn nam, nữ. Căn này trụ nhờ vào mạng căn, vì thuận theo mạng căn nối tiếp nhau. Sự thọ dụng do năm thọ. Vì chỉ rõ về nghĩa này, nên lập mười bốn căn. Dựa vào bốn nghĩa ấy, căn cứ ở giải thoát còn lại cũng lập làm căn.

Năm căn như tín v.v... là sự nương tựa của giải thoát. Vị tri, dục tri

là sinh, tri là trụ, tri dĩ là thọ dụng. Thế nên, lượng căn như vậy, không tăng, không giảm. Vì thế, nên thứ lớp cũng vậy, không thể đảo lộn. Lưỡi không thể lập làm căn ở trong nói năng. Vì sao? Vì quan sát học trội hơn công năng. Tay, chân không nên lập làm căn ở trong việc cầm, nắm và lia, hướng, vì không có khác. Vật này do tướng mạo khác, ở chỗ khác sinh nên gọi là cầm, nắm và lia hướng, lia tay, lia chân loài rắn v.v... cũng có thể cầm nắm, có thể lia hướng, nên tay, chân đối với hai động tác này không thể lập làm căn. Lúa, con đường không thể đối với sự dứt bỏ lập làm căn. Vật nặng ở giữa khoảng không, rơi tất cả chỗ. Lại, do gió cuốn hút nên văng ra. Âm nữ, nam không thể lập làm căn ở trong sự vui đùa, , vì sự vui đùa giữa nữ, nam, không do âm của mình thành, mà phải phát khởi hổ tương, nên ở các chi tiết cổ họng, răng, mắt, má. Vì tăng thượng trong động tác nuốt, nhai, mở, nhắm, co vào, duỗi ra, nên lập làm căn. Tất cả nhân duyên tạo tăng thượng cho sự vật chính nó đều nên lập làm căn.

Nếu không thừa nhận nghĩa căn của lưỡi v.v... như ở đây, thì nghĩa này cũng sẽ không thành. Nhân căn trong ấy là trước hết, nam căn là sau. (Trước đã giải thích rộng)

Mạng căn là hành bất tương ứng. Trong pháp bất tương ứng sẽ giải thích rộng.

Năm căn như tín v.v... sẽ giải thích rộng ở trong tâm pháp. Lạc thọ, vị tri, dục tri v.v... này, sẽ giải thích, tức sẽ như thứ lớp giải thích:

Kệ nói:

*Khổ căn không phải là
Đối tượng ái thân thọ.*

Giải thích: Không phải đối tượng ái, nghĩa là có thể gây tổn não vì do khổ.

Kệ nói: Lạc căn, đối tượng ái.

Giải thích: Lạc căn nghĩa là đối tượng ái, thân tiếp nhận, có thể làm lợi ích.

Kệ nói:

*Tâm tiếp nhận định thứ ba
Gọi là lạc căn.*

Giải thích: Ở định thứ ba là sự tiếp nhận khả ái, dựa vào địa tâm khởi, gọi là lạc căn. Vì sao? Vì ở trong định thứ ba không có sự tiếp nhận của thân, do không có năm thức.

Kệ nói: Lạc này nơi xứ khác là hỷ căn.

Giải thích: Trừ định thứ ba, ở xứ khác, nghĩa là trong hai định: cõi

Dục và sơ định. Nếu ở địa tâm mà lập, sẽ gọi là hỷ căn. Ở định thứ ba, do lìa hỷ dục, nên chỉ thành lạc căn, không thành hỷ căn. Vì sao? Vì hỷ thô, vẫn dục, nên chỉ được mang tên hỷ căn.

Kệ nói: Khổ của tâm địa là ưu căn.

Giải thích: Không tiếp nhận đối tượng ái, nếu ở địa tâm, sẽ gọi là ưu căn.

Kệ nói: Xả căn: ở giữa.

Giải thích: Chẳng phải đối tượng ái, chẳng phải đối tượng chẳng phải ái, nghĩa là không phải lạc thọ, không phải khổ thọ, nên gọi là ở giữa, lập làm xả căn.

Xả căn là thân tiếp nhận hay là tâm tiếp nhận?

Kệ nói: Cả hai.

Giải thích: Hoặc thân tiếp nhận, hoặc tâm tiếp nhận.

Nhân nào hợp hai tiếp nhận này lập làm một căn?

Kệ nói: Vì không có riêng khác.

Giải thích: Nỗi khổ, vui của địa tâm phần nhiều từ phân biệt sinh. Thân tiếp nhận thì không như vậy, chỉ theo trần sinh. Ở A-la-hán sinh cũng như vậy, thế nên, hai tiếp nhận này là căn có khác biệt.

Xả thọ: Nếu người không phân biệt, do tự tánh sinh, hoặc ở thân, hoặc ở địa tâm, nên hợp hai làm một căn. Thân lạc lợi ích có khác, tâm lạc cũng vậy, khổ cũng như vậy. Sự tổn hại, nỗi khổ của thân có khác, nỗi khổ của tâm cũng thế.

Sự phân biệt này không có đối nơi xả thọ. Vì không có sự phân biệt ấy, nên không chia làm hai căn.

Kệ nói: Đạo kiến, tu, Vô học, chín, ba.

Giải thích: Ý lạc, hỷ, xả, và năm căn như tín v.v... là chín căn, trong ba đạo, nói là ba căn. Ở nơi kiến đạo, gọi là vị tri, dục tri căn. Trong tu đạo, gọi là tri căn. Ở trong Vô học đạo, gọi là tri dĩ căn.

Thế nào là như đây?

Ở trong kiến đạo, vì biết cảnh thật, chưa từng biết, thế nên tu hành. Ở trong tu đạo không có cảnh, trước đây chưa từng biết, tức mới nên biết, là chỗ đã nhận biết trước, nay biết lại. Vì loại trừ phiền não còn lại, nên ở trong đạo Vô học, đã biết, biết như đây. Lại nữa, vì có thể giữ gìn chỗ đã biết.

Nói giữ gìn chỗ đã biết. Vì sao? Vì do đã được tận trí, vô sinh trí, nên khổ ta đã lìa, không phải lìa trở lại. Nếu người ở phần vị này đã được căn, hoặc gọi là dĩ tri căn, hoặc gọi là dĩ tri hộ căn.

Đã giải thích về thể tánh xong. Sự khác biệt của loại căn nay sẽ

nói:

Bao nhiêu căn là hữu lưu? Bao nhiêu căn là vô lưu? Như thế v.v... trong đây là căn vô gián đã nói, tức là vị tri, dục tri làm căn.

Kệ nói: Vô cấu ba.

Giải thích: Vô lưu là nghĩa vô cấu. Cấu là tên riêng của lưu.

Kệ nói: Hai khổ của mạng có sắc, hữu lưu.

Giải thích: Có sắc là bảy căn: mạng căn, khổ căn, ưu căn, hoàn toàn là hữu lưu. Vì sao? Vì nhãn v.v... có sắc. Bảy căn thuộc về sắc ấm, nên là hữu lưu.

Kệ nói: Chín căn gồm hai thứ.

Giải thích: Ý lạc, hỷ, xả và năm căn như tín v.v... chín căn này hoặc thuộc hữu lưu, hoặc thuộc vô lưu.

Có sư khác nói: Tín v.v... là hoàn toàn vô lưu. Vì sao? Vì Phật, Thế Tôn nói: “Nếu tất cả loại người không có năm căn như tín v.v..., thì Ta sẽ nói loại người này ở ngoài chánh pháp, trụ trong chúng phàm phu”.

Kinh này không đủ làm chứng. Căn cứ ở vô lưu mà nói, kinh này làm sao biết Phật, Thế Tôn an lập Thánh nhân xong mới nói kinh này? Nếu tất cả giống người không có năm căn như tín v.v... (nói rộng như kinh).

Phàm phu có hai hạng:

1. Ở trong chánh pháp, không đoạn thiện căn .

2. Ở ngoài chánh pháp, đoạn trừ thiện căn .

Đức Phật vì căn cứ nơi hạng người này, nên nói: “Ta nói người này ở ngoài chánh pháp, ở trong chúng loại phàm phu”.

Trong kinh, Phật nói: “Có các chúng sinh, sinh nơi thế gian, trưởng thành ở thế gian, hoặc là căn nhạy bén, căn trung, căn hạ, khi chưa vận chuyển Pháp luân vô thượng, thì biết là có năm căn như tín v.v... thuộc hữu lưu”. Cũng ở trong kinh, Đức Phật lại nói: “Cho đến khi ta chứng biết như thật năm căn như tín v.v... tập sinh và diệt lỗi lầm thối nhuần vị và xuất ly, tất nhiên ta chưa có thể biết từ thế gian này có trời, có phạm, nói rộng như kinh. Nếu các pháp vô lưu thì cũng không có như phẩm loại giả trạch này.

Hỏi: Có bao nhiêu căn là quả báo? Bao nhiêu căn không phải là quả báo?

Đáp: Hoàn toàn là quả báo.

Kệ nói: Quả báo nơi mạng.

Giải thích: Nếu như vậy, Tỳ-kheo A-la-hán hành hóa dẫn mạng, khiến trụ nơi hành hóa mạng này, cũng là mạng căn, hay là quả báo

của pháp nào?

Trong Tạng A-tỳ-đạt-ma nói: Thế nào là dẫn sinh hành mạng, khiến trụ ở Tỳ-kheo A-la-hán? Có khi như ý Thánh thành thông tuệ, đến được quả vị tâm tự tại, hoặc ở trong đại chúng, hoặc ở với một người, xả thí, hoặc bát, hoặc ca-sa, hoặc theo tư lương thuộc mạng một Sa-môn. Nhân đấy phát nguyện nhập định thứ tư, quán Tam-ma-đề của biên vực xa. Từ định này khởi, tạo ra tâm như thế, nói lời như thế này: Phàm là nghiệp của ta, nên thành thực, chiêu cảm giàu, vui. Nguyện nghiệp này thành thực, sinh thọ mạng của ta.

Lúc này, nghiệp A-la-hán ấy nên chiêu cảm giàu vui, chuyển sinh mạng sống lâu dài.

Lại có sư khác chấp: “Quả báo của nghiệp tàn dư, chuyển biến thành thực, họ nói là nghiệp do đời trước đã gây tạo, có quả báo tàn dư, do sức tu tập, dẫn phát nhận lấy, thọ dụng, làm sao từ bỏ hành mạng? Xả thí như đây, phát nguyện nhập định thứ tư, quán Tam-ma-đề của biên vực xa. Từ định này khởi, tạo ra tâm như thế, nói lời như thế này: Phàm là nghiệp của ta, nên thành thực, chiêu cảm thọ mạng, nguyện cho nghiệp này thành thực, sinh cho ta sự giàu vui, như dục lạc của vị kia đã chuyển biến nghiệp thành thực như đây”. Đại đức Cù-sa nói: “Ở trong chỗ nương dựa của mình, do sức định dẫn sinh bốn đại nơi cõi Sắc, khiến hiện tiền, có thể tùy thuận mạng sống lâu dài, hoặc trái nghịch với bốn đại, do phương tiện như thế, dẫn sinh hành mạng khiến trụ, kể cả từ bỏ, nên trở thành như vậy. Các A-la-hán có sức định tự tại như thế, do sức định này, nên nghiệp đời trước đã sinh các căn, bốn đại, đến thời lượng dẫn trụ, đều xoay lại trước kia, chưa từng có thời lượng dẫn trụ của Tam-ma-đề, hiện nay thì dẫn sinh tiếp. Thế nên, mạng sống không phải là quả báo. Khác với thọ mạng này, gọi là quả báo. Từ câu hỏi lại khởi lên câu hỏi khác”.

Nguyên nhân nào, A-la-hán lại phát nguyện dẫn sinh mạng hành hóa, để cho trụ, hoặc vì đem lại lợi ích cho người khác, hoặc vì muốn cho chánh pháp được trụ lâu ở đời. Các A-la-hán này đã nhận thấy thọ mạng của thân mình sắp hết, nên ở trong hai sự kiện ấy, không thấy người nào khác có khả năng như thế. Lại, do nhân duyên gì từ bỏ thọ mạng vào thời điểm có mạng, đang thấy ít việc lợi ích cho người khác, trong khi chính bản thân mình đang bị bức bách do bệnh khổ, như kệ nói:

*Tu phạm hạnh đã xong
Thánh đạo đã khéo tu*

*Do bỏ mạng, hoan hỷ
Như người được lành bệnh.*

Nếu vậy, sự dẫn sinh tuổi thọ của mạng hành hóa, khiến cho trụ và từ bỏ, nên biết ở xứ nào, người nào có khả năng làm sự việc này?

Ở trong nhân đạo, nơi ba châu, đối với nam, nữ, A-la-hán phi thời giải thoát, người đạt câu giải thoát, được Tam-ma-đề của biên vực xa. Vì sao? Vì người này có tự tại đối với các định. Sự nối tiếp nhau của định đó, không bị hoặc huân nhiễm.

Trong kinh nói: Đức Thế Tôn đã nguyện để lại các mạng hành hóa, buông bỏ các hành sống lâu dài.

Sư khác biệt của hai hành mạng và thọ là thế nào?

Có sư khác nói: Không có sự khác biệt.

Làm sao biết được?

Trong kinh nói: Cái gì là mạng căn? Tức là sự sống lâu của ba cõi.

Lại có sư khác nói: Nếu do hành mạng này được dừng lại trong tụ đồng phần, gọi là hành sống lâu. Nếu do hành sống lâu này, lúc được trụ tạm thời, gọi là hành mạng. Các lời nói: Do nguyện để lại nhiều hành mạng sống lâu, do sinh khởi. Vì sao? Vì sinh khởi ở một sát-na, không có nguyện để lại khả năng này.

Lại có sư khác nói: Không một vật nào được gọi là mạng sống, dài lâu, được trụ tạm thời.

Vì biểu thị rõ nghĩa này nên có các lời nói.

Lại có các sư khác nói: Ở trong nhiều hành, giả lập tên mạng và thọ không có một vật riêng khác nào gọi là thọ mạng. Nếu không như vậy, thì Đức Phật không nên nói hành.

Hỏi: Sao Đức Thế Tôn xả bỏ hành sống lâu, mà nguyện lưu lại hành mạng?

Vì chứng tỏ Đức Thế Tôn đã có tự tại đối với cái chết, nên xả bỏ hành sống lâu, vì chỉ rõ Đức Thế Tôn đã được tự tại đối với mạng sống, nên mong muốn để lại hành mạng.

Sao chỉ ba tháng không quá?

Do việc đạt lợi ích của đệ tử tiếp nhận Phật hóa độ đã hoàn tất. Hơn nữa, Đức Thế Tôn kiến lập nghĩa nói: Nếu Tỳ-kheo tu tập, thường xuyên thực hành bốn như ý túc, nếu muốn trụ, thì có thể được một kiếp, hoặc quá một kiếp. Vì chỉ rõ nghĩa đã kiến lập, nên để lại sự xả bỏ mạng sống lâu dài.

Sư Tỳ-bà-sa nói: Đối với năm ấm và cái chết, vì biểu thị rõ khả

năng trội hơn của mình, nên trước hết, Đức Thế Tôn đã đến bên cội cây Bồ-đề, đã phá trừ ma phiền não và thiên ma, chứng đắc năng lực vượt trội hơn hết, tùy thuận ứng luận, lại dừng nơi chỗ dựa là nghĩa gốc, nay nên nói như thế:

Kệ nói: Mười hai căn, hai thứ.

Giải thích: Những gì là mười hai?

Kệ nói: Trừ tám sau, ưu căn.

Giải thích: Lại trừ mạng căn, mười hai căn còn lại có hai thứ: có căn là quả báo, có căn không phải là quả báo. Bảy căn như nhãn v.v... trong đây, nếu là quả tăng thượng thì không phải là quả báo, còn các căn khác đều là quả báo. Ý, khổ, lạc, hỷ, xả căn, nếu thiện, nhiễm ô, thì không phải là quả báo. Nếu tương ứng với oai nghi, công xảo, biến hóa, cũng không phải là quả báo, còn lại là quả báo. Trừ mạng căn và mười hai căn như nhãn v.v... căn khác không phải là quả báo. Nghĩa này cuối cùng được thành. Nếu ưu căn thì không phải là quả báo.

Kinh này nói thế nào?

Như kinh nói: Có nghiệp đối với hỷ thọ tốt đẹp, có nghiệp đối với ưu thọ tốt đẹp, có nghiệp đối với xả thọ tốt đẹp. Vì căn cứ vào tương ứng tốt đẹp, nên nói lời này: Nếu nghiệp tương ứng với ưu thọ, gọi là đối với ưu thọ tốt đẹp. Ví như xúc tương ứng với với lạc thọ, nói là xúc đối với lạc thọ tốt đẹp.

Nếu vậy, nghiệp đối với hỷ thọ, xả thọ tốt đẹp, lẽ ra cũng trở thành như thế?

Như điều ông muốn, ta cũng bằng lòng, đối với pháp tương ứng không có mất, đối với quả báo cũng không có mất.

Nếu vậy, do không có năng lực, nên đều thừa nhận như đây, đâu có đạo lý nào riêng khác có thể lập ưu thọ không phải là quả báo?

Ưu thọ là do sự phân biệt sai khác sinh ra. Nhưng nói do phân biệt mà dứt quả báo thì không đúng.

Nếu vậy, đối với hỷ thọ cũng nên như thế, không nên lập hỷ làm quả báo.

Nếu ưu là quả báo, thì người tạo ra nghiệp vô gián, rồi nhân nghiệp vô gián mà sinh ưu thọ. Nghiệp này lẽ ra thành thực, hỷ cũng nên thế. Nếu hỷ là quả báo, thì người tạo ra nghiệp phước, nhân nghiệp phước sinh hỷ thọ, và nghiệp phước lẽ ra là thuần thực. Nghĩa này không đúng.

Lại có chứng riêng. Các người lìa dục nên không có ưu thọ còn quả báo thì không như thế. Các người lìa dục cũng không có hỷ căn vô

ký.

Nếu vậy, quả báo có tướng gì?

Thuận theo tướng quả báo đó, nếu có phần vị thích hợp của nghiệp đời trước, thì tuy lại như vậy, nhưng hỷ căn vẫn có thể có quả báo tàn dư, ưu căn thì không có, vì tất cả thứ căn khác không khởi hiện hành. Do vậy, sư Tỳ-bà-sa nói: Ưu không phải là quả báo, do mạng căn là thứ tám, quả báo của nghiệp thiện ở trong đường thiện, quả báo của nghiệp ác ở nẻo ác, ý căn đối với quả báo của hai nghiệp nơi hai nẻo. Ba căn lạc, hỷ, xả là quả báo của nghiệp thiện, khổ căn là quả báo của nghiệp ác. Người của hai căn đối với nẻo thiện, do nghiệp ác được.

Phần vị như đây, luận này đã nói, phần vị khác, lẽ ra cũng sẽ nói.

Bao nhiêu căn có quả báo? Bao nhiêu căn không có quả báo?

Ưu căn trong đây, ở vô gián trước đã nói.

Kệ nêu: Nhất định có quả báo.

Giải thích: Một ưu căn này có quả báo. Lời nói nhất định là quyết định. Ưu căn khác với pháp khác, căn này không có vô ký, cũng không có vô lưu. Vì ở địa tán động, thế nên ưu căn không có tức không có quả báo.

Kệ nói: Mười, hai thứ.

Giải thích: Hai thứ, nghĩa là có báo, không có báo.

Những gì là mười?

Kệ nói: Ý, Thọ, Tín v.v... khác.

Giải thích: Thọ khác: nên biết là khác với ưu căn. Tín, tinh tấn, niệ, định, tuệ căn. Ý, lạc, hỷ, xả căn trong đây nếu là ác, nếu là thiện, hữu lưu, sẽ có quả báo. Khổ căn, nếu thiện, nếu ác, sẽ có quả báo, nếu vô ký sẽ không có quả báo. Năm căn như tín v.v..., nếu hữu lưu sẽ có quả báo, căn khác không có nghĩa quả báo, mà cuối cùng tự thành.

Hỏi: Bao nhiêu căn là thiện? Bao nhiêu căn là ác? Bao nhiêu căn là vô ký?

Đáp: Trong đây, hoặc hoàn toàn thiện.

Kệ nói: Tám căn thiện.

Giải thích: Năm căn như tín v.v... và ba căn như dục tri, vị tri v.v...

Kệ nói: Hai thứ ưu.

Giải thích: Hoặc thiện, hoặc ác.

Kệ nói: Ý, thọ khác, ba thứ.

Giải thích: Năm căn này có ba thứ: thiện, ác, vô ký.

Kệ nói: Một thứ khác.

Giải thích: Những điều gì là khác?

Nhãn căn là thứ nhất, cho đến căn thứ tám là mạng căn, tám thứ này hoàn toàn vô ký.

Căn nào tương ứng với giới nào ở trong hai mươi hai căn?

Kệ nói: Cõi Dục có, trừ tịnh.

Giải thích: Căn tương ứng với cõi Dục, nên biết trừ hoàn toàn vô lưu, là ba căn vị tri, dục tri v.v... Vì sao? Vì ba quyết định này không phải là tương ứng của ba cõi.

Kệ nói: Sắc có trừ nữ, nam: hai khổ.

Giải thích: Trừ vô lưu như trước. Hai khổ, tức là hai căn khổ, ưu. Người ở cõi Sắc lia dục, pháp dâm dục, nên lại khiến nương dựa không phải đáng yêu, thế nên, ở cõi Sắc kia không có hai căn nữ, nam.

Nếu vậy, sao nói người cõi Sắc kia là trượng phu?

Chỗ nào nói?

Như kinh nói: Không có xứ, không có lý. Người nữ tạo ra phạm, có xứ, có lý, trượng phu tạo ra phạm. Ở cõi Sắc kia có riêng tướng trượng phu, ở cõi Dục, chỉ là điều trượng phu được. Ở cõi Sắc kia không có khổ căn, vì chốn nương dựa là tịnh diệu. Lại vì không có nghiệp ác, nên cũng không có ưu căn. Vì Xa-ma-tha dịu dàng thuận hợp nối tiếp nhau. Lại vì không có cảnh giới của loại ân hận.

Kệ nói: Hữu Vô sắc, trừ hai lạc và sắc.

Giải thích: Trừ hai căn nữ, nam, trừ hai khổ căn và căn vô lưu.

Có bao nhiêu căn khác?

Ý, mạng, xả, năm căn như tín v.v... Nhiều căn như thế, nên biết tương ứng với cõi Vô sắc, không có căn khác.

Bao nhiêu căn do kiến đế diệt? Bao nhiêu căn do tu đạo diệt? Bao nhiêu căn không phải đối tượng diệt?

Kệ nói: Ý, ba thọ, ba thứ.

Giải thích: Những gì là ba thọ? Lạc, hỷ, xả căn.

Kệ nói: Ưu căn kiến, tu diệt.

Giải thích: Ưu căn do hai đạo diệt: vì là đối tượng diệt của kiến đạo, tu đạo.

Kệ nói: Chín, tu đạo diệt.

Giải thích: Nhãn căn là thứ nhất, mạng căn là thứ tám và khổ căn do tu đạo diệt.

Kệ nói: năm hoặc không phải diệt.

giải thích: Năm căn như tín v.v... hoặc do tu đạo diệt, hoặc không

phải là đối tượng diệt, vì có hữu lưu, vô lưu.

Kệ nói: Ba không phải.

Giải thích: Ba căn như vị tri, dục tri v.v..., không phải là đối tượng diệt của kiến đạo, tu đạo, vì vô lưu là pháp không có lỗi lầm, nên không thể loại trừ.

Đã thuyết minh về sự sai biệt nơi phẩm loại của các căn xong. Nay sẽ nói:

Bao nhiêu căn là quả báo ở cõi nào trước kia đã được?

Kệ nói: Trong cõi Dục, đầu được hai.

Giải thích: Vì thân căn, mạng căn là quả báo, nên chính trong khi đang nương tựa vào thai, trước hết là được hai thứ này.

Kệ nói: Chẳng phải hóa sinh.

Giải thích: Trong bốn sinh, trừ hóa sinh, còn ba sinh: thai, noãn, thấp, nên biết đã thừa nhận, sao không nói hai căn ý, xả, ngay khi đang thọ sinh? Hai căn này tất nhiên là ô nhiễm. Nếu hóa sinh, đầu tiên được quả báo thì sẽ có bao nhiêu căn?

Kệ nói: Cõi Sắc kia được sáu.

Giải thích: Cõi Sắc kia không có căn nữ, nam, như sinh ở kiếp sơ.

Những gì là sáu? Là sáu căn nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, mạng.

Kệ nói: Bảy.

Giải thích: Nếu người nơi cõi Sắc kia sinh một căn, thì như sinh ở cõi trời v.v...

Kệ nói: Tám.

Giải thích: Người nơi cõi Sắc kia sinh hai căn.

Người hóa sinh có thể có hai căn chăng?

Nếu ở cõi ác thì có thể có, ở cõi Dục, đầu tiên, được như đây.

Ở cõi Sắc, cõi Vô sắc thì thế nào?

Kệ nói: Trong cõi Sắc là sáu.

Giải thích: Vì lẽ dục trội hơn, nên gọi là cõi Dục, hoặc chỉ gọi là dục. Vì do sắc trội hơn, nên gọi là cõi Sắc, hoặc chỉ gọi là sắc. Trong kinh nói: Sự giải thoát tĩnh lặng này vượt qua sắc, phi sắc. Ở trong cõi Sắc, quả báo đã được đầu tiên có sáu căn. Căn nơi cõi Sắc kia đồng với cõi Dục, không có hai căn hóa sinh đã được.

Kệ nói: Khác, một.

Giải thích: Cõi Vô sắc vì khác với cõi Sắc, nên gọi là khác. Do Tam-ma-bạt-đề khác, vì do sinh trội hơn, nên quả báo đã được đầu tiên trong đây chỉ có một mạng căn, căn khác thì không phải.

Thuyết minh đạt đến xong, về sự từ bỏ, nay sẽ nói:
Đang chết ở cõi nào? Từ bỏ bao nhiêu căn?
Kệ nói:

*Người đang chết từ bỏ
Nơi Vô sắc mạng, ý, xả căn.*

Giải thích: Nếu người đang chết ở cõi Vô sắc, với tâm sau cùng, từ bỏ ba căn: mạng, ý, xả.

Kệ nói: Ở cõi Sắc tám.

Giải thích: Nếu người đang chết ở cõi Sắc, với tâm sau cùng từ bỏ tám căn: ba căn như trước đã nói và năm căn như nhãn v.v... Vì sao? Vì hết thấy chúng sinh hóa sinh, thọ sinh đủ căn, chết cũng đủ căn.

Kệ nói: Cõi Dục mười, chín, tám.

Giải thích: Nếu người đang chết ở cõi Dục, với tâm sau cùng, nếu là người đủ hai căn, thì sẽ từ bỏ mười căn, tám căn, như trước đã nói. Lại, căn nữ, nam, nếu là người một căn, thì sẽ từ bỏ chín căn, nếu người không có căn, thì chỉ bỏ tám căn. Nếu chết cùng một lúc, thì hiển thị đạo lý như thế.

Kệ nói: Chết thứ lớp bỏ bốn.

Giải thích: Nếu người chết theo thứ lớp, thì ở tâm sau cùng sẽ cùng một thời điểm, từ bỏ bốn căn, tức là thân, mạng, ý, xả. Vì sao? Vì bốn căn này không có lìa căn tận. Nếu với tâm nhiễm ô và tâm vô ký chết, lẽ ra phải biết đạo lý như đây. Nếu là người với tâm thiện chết, sẽ rơi vào thời điểm này.

Kệ nói: Ở các xứ thiện, năm.

Giải thích: Nếu là người với tâm thiện chết, sẽ được sinh tất cả chỗ, như trước đã nói. Nếu từ bỏ căn, lại sẽ bỏ năm căn như tín v.v... Vì sao? Vì năm căn như tín này, với tâm thiện, tất nhiên sinh đầy đủ.

Như thế, ở cõi Vô sắc, từ bỏ tám căn, ở cõi Sắc, từ bỏ mười ba căn. Như vậy, căn cứ ở thứ lớp trước kia, nên lại nói rộng, ở trong căn Già-lan-đà, lựa chọn pháp tất cả căn, nên biết như vậy.

Lại nữa, Sa-môn nào, nếu là quả sẽ do bao nhiêu căn có thể được?

Kệ nói: Chín, được hai quả biên.

Giải thích: Do chín căn đến được Sa-môn của biên vực trước, sau. Nếu là quả thì biên là gì?

Quả Tu-đà-hoàn và quả A-la-hán, vì đã được biên vực trước sau.

Bao nhiêu quả ở nghĩa tế?

Quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm. Trong đây, tín v.v... nơi quả Tư-

đà-hàm, trừ tri dĩ căn và ý căn, xả căn. Do chín căn này, được quả của biên vực trước. Vị tri, dục tri căn, ở đạo thứ lớp, tri căn ở đạo giải thoát. Từ hai căn này được quả Tu-đà-hoàn. Theo thứ lớp có thể dẫn sinh trạch diệt, đến chứng đắc, và có khả năng làm nương dựa cho đạo giải thoát. Lại có tín v.v... nơi quả A-la-hán, trừ vị tri, dục tri căn, ý căn, thuận theo một trong lạc, hỷ, xả căn, từ chín căn này, được quả của biên vực sau.

Kệ nói: Hai trong bảy tám, chín.

Giải thích: Quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm vì quán trước, sau, nên gọi là giữa. Hai quả này, mỗi mỗi đến chứng đắc, do bảy, tám, chín căn. Vì sao như thế? Quả Tư-đà-hàm, nếu người tu theo thứ lớp, mới được. Hoặc nương tựa đạo thế gian, thì quả này sẽ do bảy căn được, là năm căn như tín v.v... và hai căn xả, ý. Nếu dựa vào đạo xuất thế, thì quả này sẽ do tám căn được: Bảy căn, như trước đã nói. Tri căn là thứ tám.

Nếu người trước đây phần nhiều đã ly khai dục, mới được quả này, sẽ do chín căn được, như được quả Tu-đà-hoàn, quả A-na-hàm. Nếu người tu theo thứ lớp mới được, nếu được vào đạo thế gian, thì quả này sẽ do bảy căn được, như trước đây đã nói là được quả Tư-đà-hàm. Nếu nương tựa đạo xuất thế, thì quả này sẽ do tám căn được, cũng như trước đã nói là được quả Tư-đà-hàm. Quả này với quả trước kia có khác, nghĩa là: lạc, hỷ, xả, thuận theo một căn tương ứng, vì do sự khác biệt của chỗ dựa. Nếu người tu theo thứ lớp, thì ở đạo giải thoát thứ chín, nếu nhập định căn bản, dựa vào đạo thế gian, thì bấy giờ sẽ do tám căn được quả A-na-hàm. Vì sao? Vì ở trong đạo giải thoát thứ chín, hỷ căn là thứ tám, đối với đạo thứ lớp, sẽ dùng định, xả căn. Do hai căn này, được quả A-na-hàm. Nếu người dựa vào đạo xuất thế, nhập đạo giải thoát thứ chín, tất nhiên người này sẽ do chín căn được quả A-na-hàm. Tri căn trong đây là thứ chín.

Nếu vậy, trong tạng A-tỳ-đạt-ma, sao lại nói như thế này ?

Trong tạng kia nói:

Do bao nhiêu căn có thể được quả A-la-hán?

Tạng kia đáp: Do mười một căn.

Thế sao trong đây lại nói là do chín được?

Định do chín căn.

Kệ nói:

Mười một được A-la-hán

Nói dựa một người thành.

Giải thích: Có đạo lý như thế là một người đã lùi lại. Đã lùi lại do căn lạc, hỷ, lại được quả A-la-hán, thế nên nói là do mười một căn, thì không có lý này. Ba căn: lạc thọ v.v... đều cùng được sinh trong một thời điểm.

Sao đối với người đắc A-na-hàm lại không biệt luận nghĩa như thế?

Vì A-na-hàm này không được như vậy. Vì sao? Vì không có trước kia đã lùi lại, thời gian sau, do lạc căn chứng lại quả gốc.

Lại nữa, nếu người lìa dục trước kia, không có nghĩa lùi, đọa, thì người lìa dục này sẽ được chứng hai đạo, nên về nghĩa này cần phải tư duy, tra xét, xem đã tương ứng chung với căn nào.

Có bao nhiêu căn quyết định tương ứng chung?

Kệ nói:

Tương ứng xả, mạng, ý

Tất tương ứng với ba.

Giải thích: Nếu người thuận theo một tương ứng với căn xả v.v..., thì người này phải tương ứng với ba căn, tức là xả, mạng, ý. Vì sao? Vì ba căn này không có xa rời nhau. Vì tương ứng, nên tương ứng với căn khác, không nhất định hoặc tương ứng, hoặc không tương ứng.

Ở đây, người sinh nơi cõi Vô sắc, không tương ứng với căn nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt. Nơi cõi Dục cũng thế. Nghĩa là nếu người chưa được và đã mất, rồi sinh nơi cõi Vô sắc, không tương ứng với thân căn. Người sinh nơi cõi Sắc, Vô sắc, không tương ứng với nữ căn. Sinh ở cõi Dục cũng thế. Nghĩa là nếu chưa được và đã mất, với nam căn cũng vậy. Nếu là phạm phu sinh lên định thứ ba, định thứ tư và cõi Vô sắc, sẽ không tương ứng với hỷ căn. Nếu phạm phu sinh nơi cõi Vô sắc, sẽ không tương ứng với khổ căn. Hoặc người lìa dục, sẽ không tương ứng với ưu căn. Nếu là người đoạn trừ căn thiện, sẽ không tương ứng với căn như tín v.v...

Phạm phu và người đạt được quả vị, không tương ứng với vị tri, dục tri căn. Phạm phu và người kiến đạo, người đạo Vô học, không tương ứng với tri căn. Phạm phu và người Hữu học, không tương ứng với tri dĩ căn. Ở trong phần vị không phải ngăn ngừa như trước đã nói, nên biết tương ứng với căn khác.

Kệ nói: Với bốn, có thân lạc.

Giải thích: Nếu người tương ứng với lạc căn, thì người này tất nhiên tương ứng với bốn căn, nghĩa là ba căn như xả v.v... và lạc căn. Nếu người tương ứng với thân căn, thì người này tất nhiên tương ứng với bốn căn, tức ba căn như trước và thân căn.

Kệ nói: Với năm tức có nhân v.v...

Giải thích: Nếu người tương ứng với nhân căn, thì người này tất nhiên tương ứng năm căn, tức là căn xả, mạng, ý, thân và nhãn. Việc tương ứng với nhĩ, tỷ, thiệt, nên biết cũng thế.

Kệ nói: Có hỷ cũng như thế.

Giải thích: Nếu người tương ứng với hỷ căn, tất nhiên người này sẽ tương ứng với năm căn, tức là căn xả, mạng, ý, lạc và hỷ.

Nếu người sinh định thứ hai, chưa được định thứ ba, thì sẽ tương ứng với lạc căn nào?

Sẽ tương ứng với lạc căn nhiễm ô của định thứ ba.

Kệ nói: Có khổ cùng với bầy.

Giải thích: Nếu người này tương ứng với khổ căn, tất nhiên sẽ tương ứng với bảy căn, tức là thân, mạng, ý, và tương ứng với bốn thọ khác.

Kệ nói: Có nữ cùng với tám.

Giải thích: Nếu người nào tương ứng với nữ căn, thì người ấy tất tương ứng với tám căn: bảy căn, như trước đã nói và nữ căn. Nói vân vân, nghĩa là thấu tóm nam căn, ưu căn và tín căn v.v...

Nếu người được căn như đây, thì thuận theo mỗi một căn, đều tương ứng với tám căn: bảy căn như trước đã nói, và nam căn là thứ tám.

Nếu người tương ứng với ưu căn, thì bảy căn như trước đã nói, ưu căn là thứ tám.

Nếu người cùng với căn như tín v.v... tương ứng, thì người ấy tất cùng với năm căn như tín v.v... tương ứng, cùng với căn xả, mạng, ý tương ứng.

Kệ nêu: Cùng mười một, có tri, tri dĩ căn.

Giải thích: Nếu người cùng với tri căn tương ứng, người ấy tất cùng tương ứng với mười một căn. Nghĩa là năm căn: lạc, hỷ, xả, mạng, ý, lại năm căn như tín v.v..., tri căn là thứ mười một. Cùng với tri dĩ căn tương ứng cũng vậy. Mười căn như trước đã nói, tri dĩ căn là thứ mười một.

Kệ nêu: Vị tri, dục tri căn, cùng mười ba tương ứng.

Giải thích: Những gì là mười ba? Nghĩa là ý căn, mạng căn, thân căn, căn nam nữ tùy một và ba thọ căn, năm căn như tín v.v..., vị tri dục tri căn là thứ mười ba.

Lại nữa, nếu người cùng với căn rất ít tương ứng, là cùng với bao nhiêu căn tương ứng??

Kệ nêu: Rất ít không thiện, tám, thọ, ý, thân, mạng hợp.

Giải thích: Nếu người đoạn căn thiện, gọi là không thiện. Rất ít là cùng với tám căn tương ứng. Nghĩa là năm thọ căn cùng với căn thân, ý, mạng. Như người đoạn căn thiện, cùng với rất ít căn tương ứng.

Kệ nêu: Phàm phu và Vô sắc.

Giải thích: Nếu phàm phu sinh nơi cõi Vô sắc, cùng với tám căn tương ứng.

Kệ nêu: Xả, mạng, ý và tín v.v...

Giải thích: Ba căn xả, mạng, ý và năm căn như tín v.v... tín căn v.v... hoàn toàn là thiện. Người trừ đoạn căn thiện, tất cả xứ đều chung. Nếu thế thì các căn như vị tri dục tri v.v... đối với cõi kia cũng nên lập. Vấn nạn này không đúng. Do lập tám căn, là dựa nơi phàm phu. Nếu người rất nhiều, cùng với bao nhiêu căn tương ứng?

Kệ nêu:

*Rất nhiều cùng mười chín Là ba căn vô lưu,
hai căn.*

Giải thích: Trừ ba căn vô lưu. Nếu người đủ nam căn, nữ căn, cùng đủ các căn khác, tức cùng với mười chín căn tương ứng. Lại có người khác biệt nào cùng tương ứng với rất nhiều căn?

Kệ nêu: Thánh có dục.

Giải thích: Nếu Thánh nhân Hữu học chưa lìa dục, hoặc cùng với rất nhiều căn tương ứng, cũng tương ứng với mười chín căn.

Kệ nói: Một căn trừ hai tịnh.

Giải thích: Trừ một căn và trừ hai căn vô lưu, nghĩa là trừ tri dĩ căn, tức thuận theo trừ một căn của hai căn trước. Các căn do nghĩa sai- biệt của giới phân biệt, dẫn đến, được căn cứ vào nghĩa phân biệt rộng đã thuyết minh.

